

Số: 2589 /STC – NS

Bình Phước, ngày 18 tháng 7 năm 2017

V/v hướng dẫn xây dựng dự
toán năm 2018.

KHẨN

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ - CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Chỉ thị số 29/CT - TTg ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT - BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 71/2017/TT - BTC ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018-2020,

Sở Tài chính hướng dẫn một số điểm về việc xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 như sau:

I. Xây dựng dự toán thu NSNN

Trên cơ sở số thực hiện 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2017. Loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách, dự toán thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu XSKT) bình quân tăng tối thiểu 12-14% so với đánh giá ước thực hiện năm 2017 và dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 5 - 7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2017.

- Các địa phương, đơn vị xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2018 ngoài việc phải đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu nêu trên, phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn), nhất là các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh; trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2016, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, yêu cầu phấn đấu và khả năng thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2017, dự báo tăng trưởng kinh tế trên địa bàn năm 2018 và số kiểm tra dự toán thu năm 2018 được cơ quan có thẩm quyền thông báo.



- Dự toán thu NSNN năm 2018 phải trên cơ sở dữ liệu đối tượng nộp thuế, đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các nhà máy mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2018 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2018; trong đó lưu ý: Luật NSNN, Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB, trong đó điều chỉnh tăng thuế suất thuế TTĐB đối với mặt hàng bia, rượu; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế, trong đó điều chỉnh thuế suất thuế TTĐB đối với một số dòng xe ô tô, xe mô tô.

- Tổng hợp đầy đủ khoản thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các Giấy phép do Trung ương cấp và Giấy phép do ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp; tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương, địa phương xử lý.

- Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước (sau khi trừ chi phí) phát sinh đều phải nộp vào NSNN.

- Các địa phương phải tính tới các nguồn thu gắn với việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp về tăng cường công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyên giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế GTGT, tăng cường giám sát, quản lý, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính; các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra Chính phủ, các cơ quan chức năng và số tiền thuế truy thu, truy hoàn, tiền thuế nợ dự kiến thu hồi cho NSNN.

II. Xây dựng dự toán chi NSNN

1. Xây dựng dự toán chi ĐTP:

a) Đối với dự toán chi ĐTP: Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020, xây dựng dự toán chi ĐTP trong cân đối NSDP theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg.

b) Dự toán chi ĐTP nguồn NSNN cần chi tiết theo các lĩnh vực chi phù hợp với quy định của Luật NSNN và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên: (i) bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện CTMTQG, dự án quan trọng quốc gia, CTMT, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; (ii) vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư PPP; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước; (iii) chỉ bố trí cho các dự án khởi công mới nếu còn nguồn và đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định (ưu tiên thực hiện các dự án mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp nông thôn, các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, các dự án, công trình

y tế, giáo dục, các dự án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các dự án phát triển hạ tầng trọng điểm liên ngành, liên lĩnh vực để thực đẩy phát triển kinh tế, tăng trưởng GDP).

c) Bố trí dự toán chi ĐTPPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, CTMTQG Nông thôn mới; chủ động phân bổ lập quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; sử dụng tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013.

d) Đối với nguồn thu XSKT: dự toán nguồn thu này trong dự toán thu cân đối NSDP, sử dụng toàn bộ cho chi ĐTPPT, trong đó ưu tiên bố trí đầu tư lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, CTMTQG nông thôn mới, công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình phúc lợi xã hội khác theo quy định của cấp có thẩm quyền. Bố trí tối thiểu 10% cho CTMTQG xây dựng nông thôn mới. Sau khi đã bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực nêu trên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, số thu còn lại (nếu có) bố trí cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP. Số tăng thu thực hiện từ hoạt động XSKT so với dự toán Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao (nếu có), được chủ động phân bổ chi đầu tư cho các công trình quan trọng, trong đó ưu tiên cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế và nông nghiệp, nông thôn, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên:

a) Các sở, ban, ngành và các địa phương căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2018, xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2018, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN.

Các sở, ban, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm. Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định; giảm tần suất và tiết kiệm tối đa kinh phí tổ chức lễ hội, nhất là lễ hội có quy mô lớn, hội thảo, khánh tiết... sử dụng ngân sách; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài, mua sắm ô tô và trang thiết bị đắt tiền; mở rộng thực hiện khoán xe ô tô công.

Đối với dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, dự toán của các sở, ban, ngành, địa phương gửi kèm thuyết minh chi tiết về tên công trình; mục tiêu sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng; sự cần thiết, lý do thực hiện; văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền; khối

lượng công việc dự kiến; thời gian bắt đầu, kết thúc; dự toán kinh phí theo các nguồn vốn và phân kỳ thực hiện hàng năm.

b) Dự toán chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với lộ trình tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Chỉ thị số 02/CT-TTg Nghị định số 26/2015/NĐ-CP.

c) Các sở, ban, ngành và các địa phương căn cứ vào dự kiến số tăng thu sự nghiệp theo lộ trình thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực, dự toán giảm nhu cầu chi NSNN thường xuyên năm 2018 cho các đơn vị sự nghiệp công lập, dành nguồn để tăng chi thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo và các đối tượng chính sách để tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ sự nghiệp công, thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm, sửa chữa và chi ĐTPT cho các chương trình, dự án, các mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, trên cơ sở đó cơ cấu lại chi thường xuyên các lĩnh vực, cơ cấu lại chi NSNN.

d) Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2018:

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Lập dự toán chi đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thuyết minh cụ thể các nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở, các nhiệm vụ thường xuyên và không thường xuyên khác của tổ chức khoa học và công nghệ. Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập theo quy định của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án giảm quá tải bệnh viện năm 2018 theo từng Dự án, nhiệm vụ và các nguồn kinh phí để thực hiện; nhu cầu kinh phí NSNN phải đảm bảo chi trả tiền lương, chế độ phụ cấp đặc thù chưa kết cấu vào giá dịch vụ y tế, chế độ phụ cấp chống dịch theo quy định; dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn, kinh phí thanh tra, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm.

Dự kiến tác động đối với dự toán NSNN năm 2018 khi triển khai thực hiện Thông tư 02/2017/TT-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT trong các cơ sở khám, chữa bệnh của nhà nước và hướng

dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; kinh phí thực hiện công tác quy hoạch; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công; chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản. Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

- Đối với kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ: Các địa phương căn cứ vào kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ được Bộ Quốc phòng hoặc Quân khu phê duyệt, xây dựng dự toán chi NSNN chi tiết theo từng nhiệm vụ diễn tập cụ thể và xác định số kinh phí đề nghị NSTW hỗ trợ, gửi Sở Tài chính để làm cơ sở tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính bố trí vào dự toán năm 2018 trình cấp có thẩm quyền hỗ trợ cho địa phương thực hiện.

Bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án ODA trên địa bàn thuộc trách nhiệm của địa phương; chủ động tính toán, bố trí nguồn để xử lý dứt điểm các khoản nợ XDCB, các khoản nợ vay của NSDP phải trả khi đến hạn.

- Xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2018, các địa phương chủ động dự kiến nhu cầu kinh phí phụ cấp, trợ cấp đối với vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 131/QĐ-TTg và Quyết định 582/QĐ-TTg; rà soát tính toán dành các nguồn theo quy định để thực hiện chi cải cách tiền lương.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế năm 2018 (bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2017, trừ đi (-) số biên chế giảm trong năm (nghỉ theo chế độ và tinh giản biên chế trong năm 2017, cộng với (+) số bổ sung trong năm 2017), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt (nếu có).

+ Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp theo mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT, kinh phí công đoàn); (ii) Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2018 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- Nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán ngân sách năm 2018 được xác định bằng dự toán năm 2017 theo Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về Hội Quân chúng.

- Về xây dựng dự toán chi NSDP, Ủy ban nhân dân các cấp chủ động:

Xây dựng dự toán chi NSDP trên cơ sở nguồn thu NSDP được hưởng theo phân cấp, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách tỉnh và NSDP, số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho NSDP được giao năm 2017; trên cơ sở mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của địa phương; thực tế thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2016, ước thực hiện năm 2017, xây dựng dự toán chi NSDP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành;

Các địa phương báo cáo chi tiết nhu cầu, việc sử dụng các nguồn lực của địa phương, kinh phí thừa, thiếu để thực hiện các chính sách mới, hoặc việc điều chỉnh tăng mức, mở rộng đối tượng thụ hưởng các chính sách hiện hành trong năm 2017 và nhu cầu năm 2018 theo quy định, để có cơ sở lập dự toán bổ sung có mục tiêu cho địa phương theo nguyên tắc quy định tại Quyết định 579/QĐ-TTg.

3. Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương:

Năm 2018, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định. Trong đó:

a) Các sở, ban, ngành trên cơ sở dự toán NSNN được giao, tiết kiệm chi thường xuyên và phân đầu tăng nguồn thu sự nghiệp để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

b) Các địa phương tiếp tục cơ chế tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động XSKT), bao gồm tăng thu thực hiện năm 2017 so dự toán năm 2017, tăng thu dự toán năm 2018 so với dự toán năm 2017; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư; đồng thời, yêu cầu các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có nguồn thu được giao tự chủ phân đầu tăng thu cùng với lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ và sử dụng nguồn thu này ưu tiên để thực hiện cải cách tiền lương.

4. Dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ:

Các sở, ban, ngành và các địa phương thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại (phí và các khoản huy động đóng góp bằng tiền, trừ học phí và các khoản thu sự nghiệp không thuộc danh mục thu phí) theo chế độ quy định theo đúng các nội dung đã quy định tại Khoản 1, 3 Điều 11 Thông tư số 71/2017/TT - BTC ngày 13/7/2017 của Bộ Tài chính và tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách của các sở, ban, ngành và các địa phương.

III. Xây dựng báo cáo các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2017 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2018 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cùng dự toán NSNN năm 2018 theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

IV. Về biểu mẫu xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2018:

- Đối với các Sở, ban, ngành: áp dụng mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP (Riêng Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Bảo hiểm xã hội tỉnh: báo cáo thêm mẫu biểu số 04 ban hành kèm theo công văn này).

- Đối với các huyện, thị xã: áp dụng mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP và các mẫu biểu số 01, 02, 03 ban hành kèm theo công văn này.

Các nội dung không được hướng dẫn tại Công văn này thì áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 71/2017/TT - BTC ngày 13 tháng 7 năm 2017 và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Lưu ý: Đối với các chỉ tiêu không có phát sinh số liệu, đề nghị các đơn vị để trống. Không thực hiện thay đổi, thêm, bớt các chỉ tiêu trong các biểu mẫu.

Báo cáo và biểu mẫu gửi về Sở Tài chính trước ngày 31/7/2017 để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vướng mắc đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tài chính để kịp thời hướng dẫn, xử lý. /

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Như trên;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh; Bộ CHQS tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Các phòng: Phòng HCSN; Phòng Đầu tư;
- Phòng TC - KH các huyện, thị xã;
- Lưu: VT, NS. (lesytien)



Trần Văn Mi



**KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN VỐN VAY NĂM 2018 CỦA CÁC DỰ ÁN ODA VÀ VAY ƯU ĐÃI
TỪ NGUỒN CHÍNH PHỦ VAY VỀ CHO VAY LẠI**

(Kèm theo Công văn số **2589** /STC - NS ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Sở Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Chương trình, dự án	Thời gian thực hiện theo Hiệp định đã ký kết	Tổng số vốn vay theo Hiệp định đã ký kết	Tổng số vốn vay lại	Kế hoạch giải ngân vốn vay năm 2017		Kế hoạch giải ngân vốn vay năm 2018
					Dự toán giao năm 2017 (1)	Ước thực hiện 2017	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số						
1	Chương trình/Dự án						
2	Chương trình/Dự án						
3	Chương trình/Dự án						
						

Ghi chú: (1) Theo danh mục chương trình, dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại Bộ Tài chính giao tại Quyết định số 2577/QĐ-BTC ngày 29/11/2016

....., ngày..... thángnăm 2017

TM. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã...

Chủ tịch



DỰ KIẾN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2017 CÒN DƯ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI DO TRUNG ƯƠNG BAN HÀNH NĂM 2017

(Kèm theo Công văn số 2389 /STC - NS ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Sở Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng.

Số TT	Nội dung	Kinh phí
1	2	3
A	NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN CCTL NĂM 2017	
I	NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2017	
1	50% tăng thu NSĐP (không kể tăng thu tiền sử dụng đất) thực hiện năm 2016 so dự toán Thủ tướng Chính phủ giao năm 2016:	
2	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2017	
3	Số thu để lại đơn vị	
a	Tổng số thu học phí năm 2017	
	Số thu 40% được trích để lại đơn vị để thực hiện chế độ tiền lương mới	
b	Tổng số thu viện phí năm 2017	
	Trong đó: Chi phí thu (thuốc, máu dịch truyền):	
	Số thu 35% được trích để lại đơn vị để thực hiện chế độ tiền lương mới	
c	Tổng số thu sự nghiệp khác	
4	Nguồn thực hiện CCTL 2016 chưa sử dụng hết chuyển sang 2017	
II	NHU CẦU KINH PHÍ TĂNG THÊM THỰC HIỆN MỨC LƯƠNG CƠ SỞ 1,3 TRIỆU ĐỒNG/THÁNG VÀ CÁC LOẠI PHỤ CẤP NĂM 2017	
a	Quỹ tiền lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ công chức khu vực hành chính, sự nghiệp	
b	Quỹ lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã	
c	Hoạt động phí tăng thêm đối với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	
d	Quỹ trợ cấp tăng thêm đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo NĐ	
e	Kinh phí tăng thêm để thực hiện chế độ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn và tổ dân phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP	
f	Kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp, trợ cấp khác (nếu có)	
III	CHÈNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN CCTL 2017	
1	Phần thiếu nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ	
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư	
B	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI TĂNG THÊM SO VỚI SỐ BỐ TRÍ CÂN ĐỐI NSĐP NĂM 2017	
C	PHẦN NSTW HỖ TRỢ TỐI ĐA THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI TĂNG THÊM SO VỚI SỐ BỐ TRÍ CÂN ĐỐI NSĐP NĂM 2017 (1)	
D	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2017 CÒN DƯ ĐỂ CHI TRẢ THAY PHẦN NSTW HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI (2)	
E	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2017 CÒN DƯ SAU KHI ĐẢM BẢO CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI (III.2-C)	

Ghi chú:

(1) $C=B \times \text{tỷ lệ } (\%) \text{ NSTW hỗ trợ}$ tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Bảng C trường hợp III.2>C; bảng III.2 trường hợp III.2<C

..... ngày..... thángnăm 2017

TM. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã...

Chủ tịch

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ NĂM 2016, 2017 VÀ DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số **2599** /STC - NS ngày **18** tháng **7** năm **2017** của Sở Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chính sách, chế độ	Thực hiện năm 2016				Tình hình thực hiện năm 2017								Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2018								
		Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Số đối tượng	Nhu cầu kinh phí	Số kinh phí đã bố trí			Số kinh phí còn thiếu			Số đối tượng	Nhu cầu kinh phí	Số kinh phí đã bố trí		Số kinh phí còn thiếu		Số kinh phí còn dư (nếu có)				
						Tổng số	Bố trí trong chi cân đối NSDP (nếu có)	NSTW bổ sung có mục tiêu	NSDP	Tổng số	NSTW hỗ trợ			NSDP	Tổng số	Bố trí trong chi cân đối NSDP (nếu có)	NSDP		Tổng số	NSTW hỗ trợ	NSDP	
1	Tổng cộng	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	Kinh phí thực hiện BHYT																					
2	Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP																					
3	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trẻ em mẫu giáo																					
4	Kinh phí trợ giúp các đối tượng BTXH																					
5	Kinh phí hỗ trợ học phí và chi phí học tập (NĐ 86/2015/NĐ-CP)																					
6	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội																					
7	Kinh phí học bổng học sinh DTNT																					
	...																					

Ghi chú:

- Mỗi chính sách đề nghị địa phương có biểu thuyết minh chi tiết theo đối tượng và theo chế độ quy định (kèm theo bản photo Quyết định đã chi của UBND tỉnh).
- Đối tượng hộ nghèo thực hiện các chính sách xác định theo tiêu chí thu nhập theo quy định tại văn bản số 9855/VPCP-KGVX ngày 16/11/2016 của Văn phòng Chính phủ.

..... ngày tháng năm 2017
 T.M. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã...
 Chủ tịch

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ NĂM 2016, 2017 VÀ DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 2589/STC - NS ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Sở Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chính sách, chế độ	Thực hiện năm 2016		Tình hình thực hiện năm 2017										Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2018									
		Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Số đối tượng	Nhu cầu kinh phí	Số kinh phí đã bố trí			Số kinh phí còn thiếu			Số đối tượng	Số kinh phí còn dư (nếu có)	Số kinh phí còn thiếu	Số kinh phí đã bố trí		Số kinh phí còn dư (nếu có)						
						Tổng số	Bố trí trong chi cân đối NSDP (nếu có)	NSTW bổ sung có mục tiêu	NSDP	Tổng số	NSTW hỗ trợ				NSDP	Tổng số		Bố trí trong chi cân đối NSDP (nếu có)	NSDP	Tổng số	NSTW hỗ trợ	NSDP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
	Tổng cộng																						
1	Kinh phí thực hiện BHYT																						
	<i>Trong đó:</i>																						
1.1	Khối tỉnh quản lý																						
1.2	Khối huyện, thị xã quản lý																						
2	Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP																						
	<i>Trong đó:</i>																						
2.1	Khối tỉnh quản lý																						
2.2	Khối huyện, thị xã quản lý																						
3	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trẻ em mẫu giáo																						
	<i>Trong đó:</i>																						
3.1	Khối tỉnh quản lý																						
3.2	Khối huyện, thị xã quản lý																						
4	Kinh phí trợ giúp các đối tượng BTXH																						
	<i>Trong đó:</i>																						
4.1	Khối tỉnh quản lý																						
4.2	Khối huyện, thị xã quản lý																						
5	Kinh phí hỗ trợ học phí và chi phí học tập (NĐ 86/2015/NĐ-CP)																						
	<i>Trong đó:</i>																						

PHỤ LỤC

STT	Chính sách, chế độ	Thực hiện năm 2016				Tình hình thực hiện năm 2017								Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2018												
		Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Số đối tượng	Nhu cầu kinh phí	Số kinh phí đã bố trí			Số kinh phí còn thiếu			Số kinh phí còn dư (nếu có)	Số đối tượng	Nhu cầu kinh phí	Số kinh phí đã bố trí			Số kinh phí còn thiếu								
						Tổng số	Bao gồm	Trong đó	Tổng số	Bao gồm	Trong đó				Tổng số	Bao gồm	Trong đó									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
5.1	Khoản tỉnh quản lý																									
5.2	Khoản huyện, thị xã quản lý																									
6	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội																									
6.1	Trong đó:																									
6.2	Khoản tỉnh quản lý																									
7	Kinh phí học bổng học sinh DTNT																									
7.1	Trong đó:																									
7.2	Khoản tỉnh quản lý																									

Ghi chú:

- Mỗi chính sách đề nghị địa phương có biểu thuyết minh chi tiết theo đối tượng và theo chế độ quy định (kèm theo bản photo Quyết định đã chi của UBND tỉnh).
- Đối tượng hộ nghèo thực hiện các chính sách xác định theo tiêu chí thu nhập theo quy định tại văn bản số 9855/V/PCP-KGVX ngày 16/11/2016 của Văn phòng Chính phủ.

..... ngày tháng năm 2017

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

